TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ A**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh P c**

Bản án số: 686/2019/DS-PT
Ngày: 05/8/2019
V/v Tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ A

- Thành phần Hội đồng xét xử Phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Đức T.

Các Thẩm phán:

1. Ông Nguyễn Minh Q .

2. Ông Trịnh Đắc P .

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Lê Thị Quý N – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân Thành phố A .

Đại diện Viện Kiểm Sát nhân dân Thành phố A tham gia phiên tòa: Ông Lê Trọng L - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 09 tháng 7 năm 2019 và 05 tháng 8 năm 2019, tại phòng xử án Tòa án nhân dân Thành phố A xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 196/DSPT ngày 12/03/2019, về việc "Tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ở".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 386/2019/DS-ST ngày của Tòa án nhân dân Quận AA , Thành phố A bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số /2018/QĐPT ngày 27 tháng 02 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên toà dân sự phúc thẩm số 1599/2018/QĐPT ngày 21 tháng 3 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Phạm Văn Z

Địa chỉ: Số 14/13/43 BX , Phường 13, Quận AZ, Thành phố A , ông Z vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Phạm Thị Thanh T2

Hợp đồng ủy quyền số công chứng 018351, quyển số 12TP/CC-SCC/HĐGD, ngày 22/12/2016 của Văn phòng công chứng P2 , (có mặt)

2. Bị đơn: Công ty TNHH HM1 .

Địa chỉ: C9/47 đường H02 , Phường 13, Quận AZ , Thành phố A .

Đại diện theo uỷ quyền: Ông Trần VA1 .

Địa chỉ: 29/16 đường số 41, phường TĐ , Quận AA , Thành phố A .

Văn bản ủy quyền ngày 27/9/2016 của Công ty TNHH HM03 , (có mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ L1 quan:

3.1. Ông Lương Đỗ DD01 .

Địa chỉ: Số 183 Đường NT09 , Phường 13, quận BB , Thành phố A (vắng mặt).

3.2. Ông Lương Cao K ;

3.3. Bà Lê Thị DD1 ;

Cùng địa chỉ: Nhà không số, Tổ 15, phường MD , Quận HM9 , thành phố A1 , ông Lương Cao K xin vắng mặt theo Đơn xin vắng mặt ngày 12/10/2016 (vắng mặt).

3.4. Bà Nguyễn Thị Kim L1

Địa chỉ: Số 430 Đường CT , thành phố T3 , tỉnh LK (vắng mặt).

3.5. Bà Phạm Thị Thanh T2

Địa chỉ: Số 14/13/43 BX , Phường 13, Quận AZ , Thành phố A (có mặt).

3.6. Bà Nguyễn Thị T04

Địa chỉ: Số 163/6 Đường X1 , Phường 26, quận BB , Thành phố A (vắng mặt).

3.7. Bà Trương Cẩm V1

Địa chỉ: Số 14/13/43 BX , Phường 13, Quận AZ , Thành phố A (vắng mặt).

Người kháng cáo: Bị đơn – Công ty TNHH HM03 .

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện ngày 01/8/2016, bản tự khai, biên bản mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, hòa giải và tại phiên tòa, nguyên đơn – ông Phạm Z có bà Phạm Thị Thanh T2 là người đại diện theo ủy quyền, đồng thời, bà T2 còn là người có quyền lợi, nghĩa vụ L1 quan trong vụ án trình bày: Bà T2 là con ruột của ông Phạm Z . Ngày 18/11/2008, ông Phạm Z và bà Nguyễn Thị Kim L1 cùng Công ty TNHH HM03 có ông Trương H5 là người đại diện ký phụ lục hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất lô A07. Trước đó, ngày 08/7/2007 bà Nguyễn Thị Kim L1 , ông Lương Đỗ DD01 và Công ty TNHH HM03 có ông Trương H5 đã ký phụ lục hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất lô A07. Bà T2 là người giao tiền mặt cho ông Lương Đỗ DD01 nhận 13.000.000đ x172m^2 = 2.236.000.000 đồng, giao 01 lần tại cơ quan bà Nguyễn Thị T04 là vợ ông DD01 , ông DD01 cũng có mặt. Khi ký phụ lục hợp đồng, Z không hay biết việc thỏa thuận giữa ông Lương Đỗ DD01 và ông Lương Cao K . Sau đó, Z yêu cầu giao nền nhiều lần nhưng Công ty TNHH HM03 không bàn giao, đến ngày 04/9/2013 thì tại Công ty TNHH HM03 , ông DD01 làm cam kết đề nghị Công ty giao nền thì Z mới biết được việc ông DD01 đứng tên dùm ông K .

Nay Z yêu cầu buộc Công ty TNHH HM03 thực hiện hợp đồng cắm mốc giao mặt bằng nền đất số A07, diện tích 172m^2, thực tế là nền A7 có diện tích 177,4m^2 thể hiện tại Bản đồ hiện trạng vị trí - phân lô ngày 13/9/2012 do Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố A xác lập. Đối với diện tích chênh lệch so với

diện tích chuyển nhượng, Z tự nguyện nộp thêm tiền cho Công ty TNHH HM03 theo mức giá mà Hội đồng định giá xác định. Hiện trạng đất Công ty TNHH HM03 đang quản lý, Z không chuyển nhượng cho ai khác. Ngoài ra, Z không có yêu cầu gì khác.

Bị đơn - Công ty TNHH HM03 có ông Trần VA1 trình bày: Trước đây Công ty TNHH HM03 có bán cho ông Lương Cao K hai lô đất (số A06 và A07) thuộc khu nhà ở Biệt thự và chung cư, phường Bình Trưng Tây, Quận AA với tổng diện tích là 344m^2. Lô A07 giá chuyển nhượng 12.000.000đồng/m^2. Sau khi đo đạc chính xác để xác lập bản vẽ hiện trạng vị trí thì lô A07 chính là lô A7 có diện tích là 177,4m^2, thể hiện tại Bản đồ hiện trạng vị trí - phân lô ngày 13/9/2012 do Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố A xác lập. Thời điểm xác lập hợp đồng, ông K không trực tiếp đứng tên trên hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất mà nhờ em trai là ông Lương Đỗ DD01 đứng tên hộ trên cả 02 hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số A06/BTT-CNSDĐ và A07/BTT-CNSDĐ cùng ngày 28/03/2007. Ông K là người trực tiếp thanh toán tiền cả hai lô đất cho Công ty TNHH HM03 . Việc thỏa thuận giữa ông K và Công ty TNHH HM03 không lập thành văn bản. Đến ngày 08/07/2007, ông Lương Đỗ DD01 lúc này là cán bộ N hàng Vietcombank, không tiện đứng tên trên 02 hợp đồng nên ông DD01 có nhờ bà con bạn bè bên vợ đứng tên hộ dùm 2 lô đất trên. Công ty TNHH HM03 nghĩ đây cũng chỉ là việc thay người đứng tên hộ cho ông Lương Cao K , không nghi ngờ gì nên đã hỗ trợ ký Phụ lục hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất với nội dung là chuyển đổi người đứng tên bên mua, lô A06 chuyển tên qua cho bà Trần Thị Mai H99 và lô A07 chuyển tên qua cho bà Nguyễn Thị Kim L1 , sau này bà L1 chuyển đổi tên qua cho ông Phạm Z . Trên bản phụ lục hợp đồng còn ghi rõ là căn cứ vào nguyện vọng của ông Lương Đỗ DD01 về việc thay đổi người đứng tên bên mua. Việc giao dịch mua bán giữa ông Lương Đỗ DD01 với bà Trần Thị Mai H99 và ông Phạm Z , trước đó là bà Nguyễn Thị Kim L1 , Công ty TNHH HM03 hoàn toàn không biết. Công ty TNHH HM03 cũng không giao dịch mua bán với bà H99 hay Z , cũng như bà L1 . Công ty TNHH HM03 hoàn toàn không biết mặt những người này, bản phụ lục hợp đồng chuyển tên người mua là do ông Lương Đỗ DD01 soạn thảo sẵn và khi mang đến Công ty thì đã có sẵn chữ ký của những người nói trên, những người này cũng chưa hề đến Công ty TNHH HM03 để liên hệ giao dịch gì.

Mãi đến năm 2012, ông Lương Đỗ DD01 và những người đứng tên hộ sau này có đến Công ty TNHH HM03 yêu cầu được nhận nền đất và các hồ sơ pháp lý có L1 quan, khi đó Công ty TNHH HM03 có Liên hệ với ông Lương Cao K thì ông K gửi văn bản đến yêu cầu Công ty TNHH HM03 ngăn chặn vụ việc chuyển nhượng 2 lô đất trên. Thực chất đây là vụ lừa đảo chiếm đoạt tài sản của ông Lương Cao K . Do đó, Công ty TNHH HM03 đã yêu cầu ông DD01 và những người đứng tên hộ muốn được giao nền đất phải có sự đồng thuận của ông Lương Cao K vì bản chất thật sự 02 lô đất trên là do ông K mua. Hiện trạng lô đất A7 không thay đổi, Công ty TNHH HM03 không mua bán chuyển nhượng cho ai khác. Công ty TNHH HM03 không chấp nhận yêu cầu của

nguyên đơn vì công ty chỉ giao dịch với ông K . Ngoài ra, Công ty TNHH HM03 không có yêu cầu gì khác.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan – ông Lương Đỗ DD01 vắng mặt tại phiên tòa nhưng có lời khai trình bày: Ngày 28/3/2007, ông Lương Đỗ DD01 ký Hợp đồng số A07/BTT-CNSDĐ với Công ty TNHH HM03 để nhận chuyển nhượng nền đất mang số A07, diện tích 172m^2, giá chuyển nhượng là 12.000.000đồng/m^2, tổng giá trị hợp đồng là 2.064.000.000 đồng. Ngày 08/7/2007, ông DD01 và Công ty TNHH HM03 cùng ký Phụ lục hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất để chuyển nhượng lô đất này cho bà Nguyễn Thị Kim L1 . Tiếp theo, ngày 18/11/2008, bà Nguyễn Thị Kim L1 và Công ty TNHH HM03 cùng ký Phụ lục hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất để chuyển nhượng lô đất này cho ông Phạm Z . Trong bản tự khai ngày 03/11/2016, ông DD01 khẳng định việc chuyển nhượng đất không L1 quan gì đến ông K . Tại Bản tường trình ngày 24/11/2018, ông DD01 xác nhận lô đất chuyển nhượng cho Z là của ông K , ông DD01 chỉ là người đứng tên và thực hiện mọi giao dịch giúp cho ông K . Về số tiền mà ông DD01 đã nhận của Z : 2.236.000.000 đồng, ông DD01 yêu cầu tự giải quyết với ông K . Ông DD01 đề nghị Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu của Z . Ông DD01 không có yêu cầu gì khác và đề nghị được vắng mặt trong quá trình Tòa giải quyết vụ án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ L1 quan – ông Lương Cao K vắng mặt tại phiên tòa nhưng có trình bày ý kiến như sau: Ông Lương Cao K có nhờ ông Lương Đỗ DD01 đứng tên lô A07 thuộc khu nhà ở biệt thự và chung cư, phường Bình Trưng Tây – Quận AA với tổng diện tích là 172m^2, giá trị lô đất là 2.064.000.000 đồng, ông K đã thanh toán đủ tiền cho Công ty TNHH HM03 . Việc thỏa thuận đứng tên giúp giữa ông K và ông DD01 không lập thành văn bản. Sau đó, ông DD01 đã tự ý chuyển nhượng lại cho người khác mà không thông báo gì cho ông K biết. Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải ngày 15/5/2018 của Tòa án nhân dân Quận AA , ông K xác nhận không tranh chấp nền A07 do ông DD01 đã nhận trách nhiệm thanh toán tiền lại cho ông K . Sau khi Tòa án nhân dân Quận AA mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, ông K thay đổi ý kiến, ông K không đồng ý nhận tiền mà yêu cầu được nhận nền A07 và đề nghị hoàn tiền lại cho ông Phạm Z .

Người có quyền lợi nghĩa vụ L1 quan – bà Nguyễn Thị T04 vắng mặt tại phiên tòa nhưng có Bản tự khai ngày 24/4/2018 trình bày: Bà T04 là vợ của ông Lương Đỗ DD01 . Bà T04 có nhận tiền chuyển nhượng quyền sử dụng đất giúp cho ông DD01 . Việc mua bán, chuyển nhượng giữa ông DD01 và những người khác, bà T04 không biết. Bà T04 yêu cầu Tòa giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật, đề nghị được vắng mặt trong quá trình Tòa giải quyết vụ án.

Người có quyền lợi nghĩa vụ L1 quan – bà Lê Thị DD1 là vợ ông Lương Cao K vắng mặt trong suốt quá trình tiến hành tố tụng nên Tòa án nhân dân Quận AA không thu thập được lời khai của bà DD1 .

Người có quyền lợi, nghĩa vụ L1 quan – bà Trương Cẩm V1 là vợ ông Phạm Z vắng mặt tại phiên toà nhưng có nộp bản tự khai xác định có cùng ý

kiến với Z , không có yêu cầu gì khác và đề nghị được vắng mặt trong quá trình Tòa giải quyết vụ án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ L1 quan – bà Nguyễn Thị Kim L1 vắng mặt trong suốt quá trình tiến hành tố tụng nên Tòa án nhân dân Quận AA không thu thập được lời khai của bà L1 .

Bản án dân sự sơ thẩm số 386/2019/DS-ST ngày của Tòa án nhân dân Quận AA , Thành phố A đã tuyên như sau:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 220, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 122 Bộ luật dân sự 2005;

- Điều 7, Điều 39, Điều 40 Luật kinh doanh bất động sản năm 2006;

- Điều 48 Nghị quyết 326/2016/UBTV-QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Áp dụng Luật Thi hành án dân sự;

Xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn – ông Phạm Z : Buộc Công ty TNHH HM03 phải bàn giao cho ông Phạm Z nền đất số A07 thực tế là số A7 diện tích 177,4m^2; thể hiện tại Bản đồ hiện trạng vị trí - phân lô số 21852. KĐ/GĐ-TNMT ngày 13/9/2012 do Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố A xác lập, giao nhận ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, Công ty TNHH HM03 có nghĩa vụ lập thủ tục hợp thức hóa chủ quyền đối với nền A7 cho ông Phạm Z . Quá thời hạn nói trên, nếu Công ty TNHH HM03 không thực hiện thủ tục hợp thức hóa chủ quyền cho ông Phạm Z , ông Phạm Z được quyền tự mình liên hệ với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền để lập thủ tục hợp thức hóa chủ quyền theo quy định của pháp luật.

Ghi nhận sự tự nguyện của ông Phạm Z về việc thanh toán số tiền chênh lệch do diện tích thực tế cao hơn so với diện tích chuyển nhượng cho Công ty TNHH HM03 , ông Phạm Z chịu trách nhiệm giao cho Công ty TNHH HM03 số tiền 378.000.000 (ba trăm bảy mươi tám triệu) đồng, thi hành ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Các bên thi hành dưới sự giám sát của cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho bên được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về lệ phí và chi phí khác: Z tự nguyện chịu. Z đã nộp đủ lệ phí định giá và chi phí thông báo văn bản tố tụng trên phương tiện thông tin đại chúng.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí dân sự sơ thẩm và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 30/11/2018, bị đơn – Công ty TNHH HM03 có đơn kháng cáo toàn bộ nội dung bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa Phúc thẩm ;

Nguyên đơn không rút đơn khởi kiện. Bị đơn không rút đơn kháng cáo. Các bên đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Bị đơn – Công ty TNHH HM03 có ông Trần VA1 đại diện theo ủy quyền trình bày:

Sau khi biết sự việc xảy ra ông K yêu cầu công ty phải giao đất cho ông K , vì công ty xác nhận vào hai phụ lục hợp đồng nên công ty phải chịu trách nhiệm với ông K , trong trường hợp Công ty giao đất cho Z thì Công ty phải giao cho ông K một lô đất khác tương ứng, nếu không ông K sẽ khởi kiện công ty. Do đó, Công ty TM7 yêu cầu Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; Tuyên hủy hợp đồng giữa công ty và ông DD01 (vì ông DD01 đứng tên giùm ông K , ông DD01 không trung thực, có dấu hiệu gian dối khi yêu cầu công ty ký phụ lục sang tên bà L1 , sau đó sang tên cho Z); tuyên hủy Phụ lục Hợp đồng ngày 08/7/2007 ký giữa công ty, ông DD01 và bà L1 ; tuyên hủy Phụ lục hợp đồng ngày 18/11/2008 ký giữ công ty, bà L1 và Z .

Nguyên đơn – ông Phạm Z có bà Phạm Thị Thanh T2 đại diện theo ủy quyền và luật sư trình bày:

Z nhận chuyển nhượng đất từ ông DD01 , không nhận chuyển nhượng từ bà L1 . Theo Z được biết bà L1 là người đứng tên dùm ông DD01 nên Z nhận chuyển nhượng từ ông DD01 . Việc ký phụ lục hợp đồng do ông DD01 tự liên hệ Công ty TM7 để ký, Z không ký trực tiếp với công ty Tân Hoàn Mỹ. Sau khi ký phụ lục hợp đồng Z đã giao đủ tiền cho ông DD01 . Khi nhận chuyển nhượng Z không biết ông DD01 đứng tên dùm ông K , Z chỉ căn cứ vào Hợp đồng với Công ty TM7 đứng tên và căn cứ vào phụ lục do Công ty TM7 ký, đóng dấu nên Z mới đồng ý giao tiền cho ông DD01 . Z là bên thứ ba ngày tình, đề nghị Tòa án công nhận phụ lục hợp đồng chuyển nhượng, tuyên buộc Công ty TM7 phải giao đất cho Z . Trong trường hợp Tòa án không chấp nhận yêu cầu của Z , tuyên phụ lục hợp đồng vô hiệu thì đề nghị xem xét trách nhiệm của Công ty TM7 đối với Z khi xác nhận vào phụ lục hợp đồng cho ông DD01 .

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố A phát biểu quan điểm vụ án:

1. Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của các đương sự làm trong hạn luật định nên hợp lệ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận. Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia phiên tòa chấp hành đúng quy định của pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn Phúc thẩm .

2. Về nội dung kháng cáo: Ở giai đoạn Phúc thẩm đương sự có yêu cầu giám định chữ ký trong hợp đồng chuyển nhượng để xác định thực tế có việc

chuyển nhượng hay không: Toà án cấp sơ thẩm chưa thu thập chứng cứ về việc bà L1 vắng mặt tại nơi cư trú nhưng có cư trú ở nước ngoài tại thời điểm thụ lý hay không là chưa đầy đủ. Toà án cấp sơ thẩm cũng chưa cho tiến hành đối chất giữa những người tham gia tố tụng là chưa xem xét toàn diện vụ án. Đề nghị Hội đồng xét xử huỷ bản án sơ thẩm, giao hồ sơ về cho Toà cấp sơ thẩm giải quyết lại theo trình tự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Đơn kháng cáo của Công ty TNHH HM03 làm trong hạn luật định và đã làm thủ tục kháng cáo đúng theo quy định của pháp luật nên có cơ sở chấp nhận.

[2] Người có quyền lợi và nghĩa vụ L1 quan – ông Lương Cao K , bà Lê Thị DD1 , bà Nguyễn Thị Kim L1 , bà Nguyễn Thị T04 , bà Trương Cẩm V1 vắng mặt tại phiên toà thuộc trường hợp đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để tham gia phiên toà đến lần thứ 2, có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó theo khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Toà án tiến hành xét xử vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ L1 quan trên.

[3] Đối với yêu cầu kháng cáo của bị đơn

Tại Đơn khởi kiện đề ngày 01/8/2016 (BL 15), ông Phạm Z cung cấp địa chỉ của bà Nguyễn Thị Kim L1 là 430 CT , thành phố BM9 , tỉnh LK . Đồng thời, Z cung cấp bản photo Chứng minh nhân dân số 240.371.070 của bà L1 do Công an tỉnh LK cấp ngày 28/3/2003 thể hiện địa chỉ thường trú của bà L1 là 430 CT , thành phố BM9 , tỉnh LK . Tính đến ngày Z nộp đơn khởi kiện, chứng minh nhân dân của bà L1 đã quá thời hạn 15 năm kể từ ngày cấp. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã ban hành Quyết định Ủy thác thu thập chứng cứ số 09/2017/QĐ-UTTA ngày 24/7/2017 cho Tòa án nhân dân Thành phố BM9 , tỉnh LK tiến hành biện pháp thu thập chứng chứ đối với bà Nguyễn Thị Kim L1 , địa chỉ: số 430 CT , Thành phố BM9 , tỉnh LK (BL 72). Ngày 11/9/2017, Tòa án nhân dân thành phố BM9 , tỉnh LK có Thông báo số 597/TB-TA về việc không thực hiện được ủy thác thu thập chứng cứ với lý do từ cuối năm 2016, gia đình bà L1 đã chuyển đi nơi khác sinh sống, căn nhà bà L1 ở đã bị N hàng bán đấu giá thu hồi nợ. Bà L1 đi khỏi địa pH99 không khai báo nên hiện nay không biết bà L1 sinh sống ở đâu. Do bà L1 không có mặt ở đại phương nên Toa án không thực hiện được nội dung ủy thác của Tòa án nhân dân Quận AA được (BL 82). Sau đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã thực hiện thủ tục đăng văn bản tố tụng trên pH99 tiện thông tin đại chúng cho đương sự đối với bà Nguyễn Thị Kim L1 .

Xét thấy, Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Phúc thẩm người đại diện theo ủy quyền của Công ty TM7 trình bày bà L1 đã đi nước ngoài từ năm 2008 (sau khi ký phụ lục hợp đồng sang cho Z). Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm không tiến hành xác minh thời điểm bà L1 đi nước ngoài tại cơ quan quản lý xuất nhập cảnh, để làm rõ thời điểm tại thời điểm Tòa án thụ lý vụ

án bà L1 có ở tại Việt Nam hay không. Trong trường hợp kết quả xác minh thể hiện bà L1 không có mặt tại Việt Nam tại thời điểm Tòa án thụ lý vụ án thì thẩm quyền giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm thuộc Tòa án nhân dân Thành phố A theo quy định tại Khoản 3 Điều 37 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 7 Nghị quyết số 03/2012/NQ-HĐTP ngày 03/12/2012 của Hội đồng thẩm phán, Tòa án nhân dân Tối cao. Tòa án cấp sơ thẩm khZ êu cầu nguyên đơn, khZ êu cầu bà T04 (vợ ông DD01) là em ruột bà L1 cung cấp địa chỉ của bà L1 theo Điều 473 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 quy định về việc yêu cầu cung cấp thông tin về nhân thân, xác định địa chỉ của đương sự ở nước ngoài mà Tòa án tiến hành thủ tục thông báo trên báo Lao động là không đúng thủ tục tố tụng.

Tại phiên tòa Phúc thẩm , người đại diện theo ủy quyền của Công ty TM7 yêu cầu đối chất, giám định chữ ký của Z tại phụ lục hợp đồng ngày 18/11/2018, yêu cầu hủy hợp đồng giữa Công ty TM7 và ông DD01 , hủy phụ lục hợp đồng giữa ông DD01 và bà Nguyễn Thị Kim L1 , hủy phụ lục hợp đồng giữa bà Nguyễn Thị Kim L1 và ông Phạm Z . Xét thấy, đây là tình tiết mới phát sinh trong quá trình xét xử Phúc thẩm . Để giải quyết toàn diện, triệt để vụ án, đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp của đương sự và đảm bảo hai cấp xét sử cần hủy bản án sơ thẩm, trả hồ sơ về Tòa án cấp sơ thẩm xét xử lại theo đúng quy định pháp luật.

[4] Ngoài ra, khi xét lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm, Tòa án cấp sơ thẩm cần lưu ý những điểm sau: Cần thụ lý giải quyết yêu cầu phản tố của bị đơn trong cùng một vụ án; Giải thích cho các đương sự về hậu quả pháp lý của việc tuyên bố hợp đồng vô hiệu để vụ án được giải quyết toàn diện, triệt để.

Từ các nhận định trên, Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận kháng cáo của Công ty TNHH HM03 , hủy bản án sơ thẩm số 108/2018/DS-ST ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Quận AA , thành phố A .

Do hủy về tố tụng, Tòa án cấp Phúc thẩm không xem xét về nội dung vụ án.

[5] Về án phí:

Do hủy bản án sơ thẩm nên các đương sự không ai phải chịu án phí dân sự Phúc thẩm .

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 310 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử sụng án phí và lệ phí Tòa án;

Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009,

Tuyên xử:

1. Hủy bản án sơ thẩm số 108/2018/DS-ST ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Quận AA , Thành phố A .

Giao hồ sơ cho Tòa án nhân dân Quận AA , Thành phố A xét xử theo thủ tục sơ thẩm.

2. Án phí dân sự Phúc thẩm :

Công ty Trách nhiệm hữu hạn HM03 không phải chịu án phí dân sự Phúc thẩm . Hoàn trả lại cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn HM03 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2017/0015821 ngày 06/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận AA , Thành phố A .

3. Bản án Phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
-TAND tối cao;
-TAND cấp cao tại Tp.A
-VKSND cấp cao tại Tp.A
-VKSND Tp.A;
-TAND Quận AA ;
- Chi cục THADS Quận AA ;
-Các đương sự;
-Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Đức T